**DANH MỤC 159 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**

**QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2021*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí,**  **lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** | | **Qua DV bưu chính công ích** | | **Thực hiện tại Bộ phận Một cửa** | **Dịch vụ công trực tuyến** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ 3** | **Mức độ 4** |
| **I** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (132 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **A.** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA (68 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **A.1** | **Di sản văn hóa (14 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | - Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.  - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | x | | x | x | x |
| 2 | Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x | x |
| 3 | Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x |  |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x |  |
| 5 | Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp | Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ | | x | | x | x |  |
| 6 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia | Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchxét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x | x |
| 7 | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia | | x | | x | x |  |
| 8 | Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật | - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia | | x | | x | x |  |
| 9 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | x | | x | x |  |
| 10 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. | | x | | x | x |  |
| 11 | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2019 của Chính Phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL. | | x | | x | x | x |
| 12 | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. | | x | | x | x | x |
| 13 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.  - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcó trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x | x |
| 14 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số năm 2009.  - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x | x |
| **A.2** | **Điện ảnh (02 TTHC)** | | | |  | |  | |  |  |  |
| 15 | Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim  (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;  - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:  + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;  + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến) | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật Điện ảnh năm 2007.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009.  - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009.  - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.  - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | | x | | x | x |  |
| 16 | Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật Điện ảnh năm 2007.  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009.  - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009.  - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/92011 hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.  - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 về Ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | | x | | x | x |  |
| **A.3** | **Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (12 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 17 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa,Thể thao và Du lịch) | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.  - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | | x | | x | x |  |
| 18 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhândân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | | x | | x | x |  |
| 19 | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | | x | | x | x |  |
| 20 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng | - Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;  - Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.  - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | | x | | x | x |  |
| 21 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | | x | | x | x |  |
| 22 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh | | x | | x | x |  |
| 23 | Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh | | x | | x | x |  |
| 24 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchgửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchtrả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;  - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcó văn bản trả lời | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | | x | | x | x |  |
| 25 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;  - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcó văn bản trả lời | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | | x | | x | x |  |
| 26 | Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchtrả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.  - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchcó văn bản trả lời | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | | x | | x | x |  |
| 27 | Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;  - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | | x | | x | x |  |
| 28 | Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịchkhông có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;  Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. | | x | | x | x |  |
| **A.4** | **Nghệ thuật biểu diễn (07 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 29 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương | 05ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Phí thẩm định:  Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:  **Độ dài thời gian** của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật Đến 50 phút: 1.500.000; Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000; Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000; Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000; Từ 201 phút trở lên: 5.000.000  **Trường hợp miễn phí**  Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia.  Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.  - Lệ phí: Không quy định. | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | x | | x | x | x |
| 30 | Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang | 05ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. | | x | | x | x |  |
| 31 | Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương | 05ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. | | x | | x | x |  |
| 32 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương | 15ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. | | x | | x | x |  |
| 33 | Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương | - 05ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - Phí thẩm định:  Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:  a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:  - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).  - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).  b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:  - Đối với bản ghi âm:  + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;  + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.  - Đối với bản ghi hình:  + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;  + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.  - Lệ phí: Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 10 năm 2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.  - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | x | | x | x |  |
| 34 | Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. | | x | | x | x | x |
| 35 | Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, ngườimẫu | 07ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.  - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.  - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. | | x | | x | x |  |
| **A.5** | **Văn hóa cơ sở (12 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 36 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | | x | | x | x |  |
| 37 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | | x | | x | x |  |
| 38 | Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:  + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy;  + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy.  - Tại các khu vực khác:  + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy;  + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | x | | x | x |  |
| 39 | Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy;  - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | x | | x | x |  |
| 40 | Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.- Tại khu vực khác:Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng. | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | x | | x | x |  |
| 41 | Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. | | x | | x | x |  |
| 42 | Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Liên đoàn Lao động cấp huyện | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. | | x | | x | x |  |
| 43 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo | | x | | x | x | x |
| 44 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Luật quảng cáo năm 2012. | | x | | x | x | x |
| 45 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 3.000.000 đồng/Giấy phép | - Luật quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | | x | | x | x |  |
| 46 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/Giấy phép | - Luật quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam  - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x | | x | x |  |
| 47 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/Giấy phép | - Luật quảng cáo năm 2012.  - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo  - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | | x | | x | x |  |
| **A.6** | **Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa (05 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 48 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc.  Trường hợp phải giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 (mười hai) ngày làm việc. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Vắn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh | x | | | x | x |  |
| 49 | Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh | Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.  - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL  - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh | x | | | x | x |  |
| 50 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:  - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.  - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.  - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng  2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:  - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;  - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định.  - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.  - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | x | | | x | x |  |
| 51 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Phim Thương mại: Phim truyệnĐộ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000; Phim ngắn, độ dài đến 60 phút: 2.200.000;  Phim Phi thương mại: Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000Phim ngắn độ dài đến 60 phút: 1.600.000 | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh.  - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | x | | | x | x |  |
| 52 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:  1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:  a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:  - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).  - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).  b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:  - Đối với bản ghi âm:  + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;  + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.  - Đối với bản ghi hình:  + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;  + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/CT.  2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp. | - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.  - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịchsửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | x | | | x | x |  |
| **A.7** | **Thư viện (03 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 53 | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | x | | | x | x |  |
| 54 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | x | | | x | x |  |
| 55 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam | Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | x | | | x | x |  |
| **A.8** | **Gia đình (12 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 56 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | Thời gian thực hiện là30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/2/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 57 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 58 | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 59 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 60 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 61 | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 62 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | Không quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. | x | | | x | x | x |
| 63 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | Không quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. | x | | | x | x | x |
| 64 | Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 65 | Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang số 157, đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 66 | Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| 67 | Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định lệ phí trong các văn bản | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007;  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | x | | | x | x | x |
| **A.9** | **Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (01 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 68 | Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.  - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.  - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ | x | | | x | x |  |
| **B.** | **LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (35 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 69 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | | | x | x | x |  |
| 70 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | | | x | x | x |  |
| 71 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | | | x | x | x |  |
| 72 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | | | x | x | x |  |
| 73 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 | | | x | x | x |  |
| 74 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 | | | x | x | x |  |
| 75 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao | | | x | x | x |  |
| 76 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga | | | x | x | x |  |
| 77 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf | | | x | x | x |  |
| 78 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông | | | x | x | x |  |
| 79 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo | | | x | x | x |  |
| 80 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate | | | x | x | x |  |
| 81 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn | | | x | x | x |  |
| 82 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker | | | x | x | x |  |
| 83 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn | | | x | x | x |  |
| 84 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Diều bay | | | x | x | x |  |
| 85 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao | | | x | x | x |  |
| 86 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ | | | x | x | x |  |
| 87 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo | | | x | x | x |  |
| 88 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | | | x | x | x |  |
| 89 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng | | | x | x | x |  |
| 90 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí | | | x | x | x |  |
| 91 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh | | | x | x | x |  |
| 92 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam | | | x | x | x |  |
| 93 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển | | | x | x | x |  |
| 94 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá | | | x | x | x |  |
| 95 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt | | | x | x | x |  |
| 96 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin | | | x | x | x |  |
| 97 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | | | x | x | x |  |
| 98 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao | | | x | x | x |  |
| 99 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném | | | x | x | x |  |
| 100 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu | | | x | x | x |  |
| 101 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao | | | x | x | x |  |
| 102 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ | | | x | x | x |  |
| 103 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Cấp lần đầu:  a) Kinh doanh 01 môn thể thao: 800.000 đồng/giấy chứng nhận.  b) Kinh doanh từ môn thể thao thứ hai trở lên: Mức thu phí 400.000 đồng/01 môn thể thao bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận.  2. Cấp lại:  a) Cấp lại do thay đổi các nội dung hoặc bổ sung danh mục hoạt động thể thao mức thu bằng 50% mức thu phí cấp lần đầu.  b) Cấp lại do mất hoặc hư hỏng: 200.000 đồng/giấy chứng nhận. | - Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.  - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.  - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao  - Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao | | | x | x | x |  |
| **C.** | **LĨNH VỰC DU LỊCH (29 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **C.1** | **Lữ hành (20 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 104 | Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh | - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 105 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 3.000.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam**.**  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 106 | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam**.**  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 107 | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 2.000.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam**.**  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 108 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.  - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không Quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 109 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không Quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 110 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không Quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 111 | Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không Quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | | x | x | x |  |
| 112 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 200.000 đồng/thẻ | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 113 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 114 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | - 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 3.000.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | | | x | x | x |  |
| 115 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | | | x | x | x |  |
| 116 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | | | x | x | x |  |
| 117 | Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | | | x | x | x |  |
| 118 | Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.500.000 đồng/giấy phép | - Luật Du lịch năm 2017.  - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. | | | x | x | x |  |
| 119 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 650.000 đồng/thẻ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x | x |
| 120 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 650.000 đồng/thẻ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x | x |
| 121 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 650.000 đồng/thẻ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x | x |
| 122 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x | x |
| 123 | Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh | - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| **C.2** | **Dịch vụ du lịch khác (09 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 124 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.000.000 đồng/hồ sơ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | | x | x | x |  |
| 125 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.000.000 đồng/hồ sơ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 126 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.000.000 đồng/hồ sơ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 127 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.000.000 đồng/hồ sơ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 128 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | 1.000.000 đồng/hồ sơ | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | | | x | x | x |  |
| 129 | Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch) | 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 157 đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang | - 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao  - 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao | - Luật Du lịch năm 2017.  - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.  - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | | | x | x | x |  |
| 130 | Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch | 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Giao thông vận tải | Không quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 131 | Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch | 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô và 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Sở Giao thông vận tải | Không quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| 132 | Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại biển hiệu, Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp lại biển hiệu cho phương tiện vận tải | Sở Giao thông vận tải | Không quy định | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | x | x | x |  |
| **II** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (20 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **A** | **Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (11 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:  + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy;  + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy.  - Tại các khu vực khác:  + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy;  + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy. | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | | x | x | x |  |
| 2 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng  - Tại các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | | x | x | x |  |
| 3 | Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Liên đoàn Lao động cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 4 | Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Liên đoàn Lao động cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện | Không | Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 5 | Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. | | |  |  | x |  |
| 6 | Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. | | |  |  | x |  |
| 7 | Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. | | |  |  | x |  |
| 8 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận Khu dân cư văn hóa | Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 9 | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa | Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 10 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định | Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không quy định | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | | | x | x | x |  |
| 11 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo | Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không quy định | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | | | x | x | x |  |
| **B** | **Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 12 | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ | Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x |  |  |
| 13 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ | Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x |  |  |
| 14 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ | Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x |  |  |
| **C** | **Lĩnh vực Gia đình (06 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 15 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| 16 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| 17 | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| 18 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.  - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| 19 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Không quy định | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| 20 | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, thành phố | Không quy định | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.  - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình | | | x | x | x |  |
| **III** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (07 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **A** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA (06 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| **A.1** | **Văn hóa cơ sở (03 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 2 | Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tặng Giấy khen, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định tặng Giấy khen Gia đình văn hóa | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. | | |  |  | x |  |
| 3 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung thông báo | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | | | x | x | x |  |
| **A.2** | **Thư viện (03 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 4 | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x | x |  |
| 5 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x | x |  |
| 6 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.  - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.  - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách,giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | | | x | x | x |  |
| **B.** | **LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (01 TTHC)** | | | | | | | | | | |
| 7 | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn |  | - Luật thể dục thể thao năm 2007.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thế dục, Thể thao.  - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở | | | x | x | x |  |